

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

**Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây
đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), đoạn qua phường Đồng Xoài (đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025 của UBND phường Đồng Xoài)

STT	Mã số phương án chi tiết	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)			Đất được bồi thường				Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm			Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây hàng năm		Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
						Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng)	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng)												
1	065/PACT-CTGN-CT	Nông Văn Sậu	13	109	4.762,6	4.762,6	210.000	-	-	4.762,6	210.000	150	1.000.146.000	-	-	-	22.710.480	1.500.219.000	12.960.000	20.000.000	2.556.035.480
2	067/PACT-CTGN-CT	Nông Văn Sậu Cùng vợ là bà Hoàng Thị Thơm	33	162	61,6	61,6	387.000	-	-	0,0	-	-	23.839.200	-	53.032.830	19.863.785	964.000	-	-	-	97.699.815
3	068/PACT-CTGN-CT	Dương Văn Hường	13	117	166,9	166,9	200.000	-	-	0,0	-	-	33.380.000	-	-	-	3.940.160	-	5.760.000	4.000.000	47.080.160
4	090/PACT-CTGN-CT	Nguyễn Chí Thành	13	105	11.372,4	11.372,4	387.000	-	-	10.930,0	210.000	150	4.401.118.800	-	606.213.782	116.840.593	122.829.468	3.442.943.700	11.520.000	20.000.000	8.721.466.343
5	091/PACT-CTGN-CT	Dương Thị Hồ	13	190	127,6	127,6	210.000	-	-	0,0	-	-	26.796.000	-	-	-	1.312.000	-	1.440.000	4.000.000	33.548.000
6	119/PACT-CTGN-CT	Hoàng Văn Hải Cùng vợ là bà Mộng Thị Hường	12	239	3.315,6	3.315,6	210.000	-	-	3.315,6	210.000	150	696.276.000	-	-	-	83.313.760	1.044.414.000	5.760.000	20.000.000	1.849.763.760
7	122/PACT-CTGN-CT	Trần Đình Công Cùng vợ là bà Lê Thị Địu	12	242	12,6	0,0	-	12,6	150.000	0,0	-	-	-	1.890.000	-	1.885.380	72.000	-	2.880.000	2.000.000	8.727.380
8	131/PACT-CTGN-CT	Lâm Thị Luyến	12	427	1.891,5	1.891,5	200.000	-	-	0,0	-	-	378.300.000	-	-	4.540.670	10.596.496	-	-	-	393.437.166
9	189/PACT-CTGN-CT	Trần Văn Hiến	12	246	13.112,1	13.112,1	210.000	-	-	12.495,3	210.000	150	2.624.013.000	-	13.398.660	39.132.288	262.200.000	3.936.019.500	11.520.000	20.000.000	6.906.283.448
10	209/PACT-CTGN-CT	Lưu Văn Ba	13	314	12,4	12,4	210.000	-	-	0,0	-	-	2.604.000	-	-	-	312.000	-	4.320.000	2.000.000	9.236.000
11	211/PACT-CTGN-CT	Bùi Thị Vinh	32	49	8.848,4	8.848,4	210.000	-	-	8.848,4	210.000	150	1.858.164.000	-	-	-	276.374.080	2.787.246.000	4.320.000	20.000.000	4.946.104.080
12	212/PACT-CTGN-CT	Trần Thị Thao	13	138	2.554,2	2.554,2	210.000	-	-	0,0	-	-	536.382.000	-	-	-	38.066.560	-	5.760.000	20.000.000	600.208.560
13	221/PACT-CTGN-CT	Dương Văn Vương	13	116	2.692,8	2.692,8	200.000	-	-	2.692,8	200.000	150	538.560.000	-	-	-	84.432.000	807.840.000	1.440.000	20.000.000	1.452.272.000
14	233/PACT-CTGN-CT	Bùi Xuân Nghĩa Cùng vợ là bà Dương Thị Mận	32	50	1.638,3	1.638,3	210.000	-	-	1.638,3	210.000	150	344.043.000	-	-	-	45.030.400	516.064.500	-	-	905.137.900
15	240/PACT-CTGN-CT	Triệu Văn Thống	13	108	3,8	3,8	210.000	-	-	0,0	-	-	798.000	-	-	-	50.500	-	1.440.000	2.000.000	4.288.500
16	627/PACT-CTGN-CT	Kiều Văn Hoan	32	47	7.137,9	7.137,9	210.000	-	-	7.137,9	210.000	150	1.498.959.000	-	-	-	223.463.360	2.248.438.500	8.640.000	20.000.000	3.999.500.860
17	653/PACT-CTGN-CT	Bùi Xuân Nghĩa	32	54	9.991,2	9.991,2	210.000	-	-	9.991,2	210.000	150	2.098.152.000	-	-	-	311.835.520	3.147.228.000	-	-	5.557.215.520
18	762/PACT-CTGN-CT	Nguyễn Hữu Quốc	12	402	536,6	536,6	210.000	-	-	0,0	-	-	109.156.000	-	-	-	-	-	1.440.000	12.000.000	122.596.000

[illegible]